TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM DƯƠNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số:55/2018/HS-ST
Ngày 21 - 9- 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN D HUYỆN TAM DƯƠNG
TỈNH VĨNH PHÚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Minh Quế;
2. Ông Nguyễn Đình La.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ý Tưởng – Thư ký Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân D huyện TD, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Phùng Phú Ng, sinh năm 1991, Nơi sinh và cư trú: Phố H, phường HH, thành phố VY, tỉnh Phúc; trình độ văn hoá: 9/12; nghề nghiệp: Lao Đ tự do, D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Phú T, sinh năm 1959; con bà: Phạm Thị Hồng M, sinh năm 1963; vợ: Phạm Thị Thu H (đã ly hôn), con: Có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại tại địa phương nơi cư trú đến nay(Có mặt).

-*Người bị hại:* Anh Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 14 tháng 7 năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Thôn LL, xã HT, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1.Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn LL, xã HT huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

2.Bà Phạm Thị Hồng M, sinh năm 1963(Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ D phố L 2, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.Ông Phùng Văn D, sinh năm 1965(Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ D phố AP, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

4.Anh Trần TA, sinh năm 1985(Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Thôn Ng Đ, xã BD, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

5.Ông Phùng Văn Đ, sinh năm 1976(Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Tổ D phố QT, phường HH, thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 16giờ 30phút ngày 24/4/2018, anh Nguyễn Mạnh D đi xe mô tô biển kiểm soát 88K1 – 186.00 (xe của bà Nguyễn Thị H đến công trường Cao đẳng kinh tế Vĩnh Phúc thì gặp Phùng Phú Ng. Tại đây, Ng nhờ anh D chở đến quán Karaoke Mai Về để hỏi vay tiền của anh Phùng Văn Thịnh, sinh năm 1982 ở xã HT, huyện TD là chủ quán. Anh D đồng ý và chở Ng đến quán nhưng quán đóng cửa, anh D tiếp tục chở Ng đến nhà riêng của anh Thịnh nhưng anh Thịnh không có nhà. Lúc này, Ng hỏi mượn xe của anh D để tự đi tìm anh Thịnh để vay tiền. Anh D đồng ý giao xe máy cho Ng. Sau đó, Ng đi tìm anh Thịnh nhưng không tìm được nên Ng nảy sinh ý định mang xe của anh D đi cầm cố. Ng mang xe đến nhà ông Phùng Văn D cầm cố vay ông D 4.000.000đ, đến ngày 26/4/2018, Ng đến lấy lại xe và kiểm tra bên trong cốp thấy có 01 chứng M nhân D, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88K1 – 186.00 đều mang tên Nguyễn Thị H ở xã HT, huyện TD thì Ng mang xe và giấy tờ đến quán cầm đồ G88 ở HHVY để cầm cố cho anh Nguyễn TA được 12.000.000đ. Chiều ngày 29/4/2018, Ng đến cửa hàng mua bán xe cũ mới Anh Đ của anh Phùng Văn Đ rao bán xe và dẫn anh Đ đến quán cầm đồ G88 để xem chiếc xe mà Ng đã cầm cố. Tại đây, anh Đ đã đồng ý mua chiếc xe trên với giá 12.800.000đ. Ng dùng số tiền này chuộc lại xe cùng giấy tờ xe giao lại cho anh Đ. Số tiền có được từ việc cầm cố, bán xe Ng sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan Cơ quan điều tra Công an huyện TD đã thu giữ: Chiếc xe mô tôHonda Wave biển kiểm soát 88K1 – 186.00,01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát

88K1 – 186.00, 01 chứng M nhân D, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị H và số tiền 13.000.000 đồng do bà Phạm Thị Hồng M (mẹ bị can Ng) giao nộp.

Tại Cơ quan điều tra, Phùng Phú Ng đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18 ngày 24/5/2018 kết luận: Giá trị 01 xe mô tô biển kiểm soát 88K1 – 186.00 tại thời điểm tháng 4/2018 là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng).*

Đối với ông Phùng Văn D; anh Nguyễn TA và anh Phùng Văn Đ là người đã cho Phùng Phú Ng cầm cố, mua bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88K1 – 186.00. Khi thực hiện việc giao dịch cầm cố, mua bán thấy xe có giấy tờ đăng kí, không biết đó là tài sản Ng phạm tội mà có. Vì vậy, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông D, anh TA và anh Đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 13.000.000đ do bà Phạm Thị Hồng M (mẹ Ng) giao nộp và đề nghị Cơ quan điều tra trả cho anh Phùng Văn Đ để khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra xác định đề nghị này là phù hợp nên đã trả số tiền này cho anh Phùng Văn Đ theo quy định. Bị hại anh Nguyễn Mạnh D và người và bà Nguyễn Thị H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Văn D, anh Nguyễn TA và anh Phùng Văn Đ sau khi nhận lại xe và số tiền mà gia đình bị can Ng đã bồi thường không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với vật chứng của vụ án:

- Chiếc xe mô tôHonda Wave biển kiểm soát 88K1 – 186.00,01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88K1 – 186.00, 01 chứng M nhân D, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị H ở xã HT, huyện TD là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị H. Ngày 08/6/2018, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho bà H.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSTD ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân D huyện TD truy tố bị cáo Phùng Phú Ng về tội: " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện TD thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phùng Phú Ng phạm tội: Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Áp dụng

Khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 Đề nghị xử phạt Phùng Phú Ng từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo. Về hình phạt bổ sung do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Ng. Về vật chứng và trách nhiệm D sự đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân D huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa bị cáo Phùng Phú Ng đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở chứng cứ khách quan để kết luận: Khoảng 16 giờ30phút ngày 24/4/2018, tại thôn Hưng Thịnh, xã HT, huyện TD, Phùng Phú Ng đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô Honda Wave biển kiểm soát 88K1 – 186.00 của anh Nguyễn Mạnh D có giá trị theo định giá là 10.500.000đ cầm cố vay tiền của ông Phùng Văn D được 4.000.000đ, đến ngày 26/4/2018 Ng đến lấy lại xe, phát hiện trong cốp xe có 01 chứng M nhân D, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88K1 – 186.00, Ng tiếp tục đem xe và giấy tờ đến cầm cố cho anh Nguyễn TA vay được 12.000.000đ. Sau đó, Ng dẫn anh Đ đến mua lại chiếc xe trên với giá 12.800.000đ. Toàn bộ số tiền từ việc cầm cố, bán xe Ng sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

[3]Hành vi nêu trên của Phùng Phú Ng đã phạm vào tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“ Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản người khác có giá trị từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng… thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm:

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác … và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”

[4]Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa pH, gây hoang mang lo lắng trong nhân D về việc gia tăng loại tội phạm này. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Song, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại có đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b, i,s Khoản 1 Điều 51 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 nên cần được xem xét khi quyết định hình phạt.

[6]Với tính chất và mức độ phạm tội như trên cần áp dụng một hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa chung. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự có nơi cư trú ổn định rõ ràng nên cần áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện để cho bị cáo được cải tạo tại địa pH.

[7]Hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung để phạt tiền đối với bị cáo.

[8]Về vật chứng: Chiếc xe mô tôHonda Wave biển kiểm soát 88K1 – 186.00,01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 88K1 – 186.00, 01 chứng M nhân D, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nguyễn Thị H là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Nguyễn Thị H. Ngày 08/6/2018, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô cho bà H. Bà H không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[9] Về trách nhiệm D sự: Số tiền 13.000.000đ do bà Phạm Thị Hồng M (mẹ Ng) giao nộp và đề nghị Cơ quan điều tra trả cho anh Phùng Văn Đ để khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra xác định đề nghị này là phù hợp nên đã trả số tiền này cho anh Phùng Văn Đ theo quy định. Bị hại anh Nguyễn Mạnh D và người và bà

Nguyễn Thị H; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phùng Văn D, anh Nguyễn TA và anh Phùng Văn Đ sau khi nhận lại xe và số tiền mà gia đình bị can Ng đã bồi thường không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết .

[10] Về án phí: Bị cáo Phùng Phú Ng phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên xử:

1.Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phùng Phú Ng phạm tội: " Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ Khoản 1 Điều 175; điểm b, i,s khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51; Khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Phùng Phú Ng 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giáo bị cáo Phùng Phú Ng cho Ủy ban nhân dân phường HH.thành phố VY, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách trường hợp người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phùng Phú Ng phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ

án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
-Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD;
-Công an huyện TD;
- Những người tham gia tố tụng;
-LưuHS,VP,THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Ngọc